

Bản án số: 26/2018/HNGĐ - ST

Ngày 29/05/2018

V/v “ Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Ông Trần Tú Anh
 - + Ông Đinh Công Đoàn
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Định – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:*** tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2018. Về việc: “ Xin ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long
- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long
- Con chưa thành niên: Cháu **Lê Trung H1**, sinh ngày 17/05/2001 (có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/02/2018 nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Văn H cưới nhau vào năm 1996. Hôn nhân do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông H mới tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2002. Trong ngày cưới gia đình ông H có cho bà 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng

24k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k. Hiện số nữ trang này vợ chồng đã bán và tiêu xài trong gia đình hết hiện nay không còn. Sau ngày cưới vợ chồng về sống chung gia đình bên chồng tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc và sinh được hai đứa con tên Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 04/8/1997 và cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001 hiện hai cháu do hai vợ chồng chăm sóc nuôi dưỡng. Đến thời gian sau này thì vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thời gian gần đây ông H ghen tuông mà không cần tìm hiểu nguyên nhân, còn thốt ra những lời lẽ xúc phạm làm bà không thể chấp nhận. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai nói chuyện đến ai, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà xét thấy không thể hàn gắn và sống chung với ông H được nữa nên quyết định xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 04/8/1997 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001 bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/05/2018 ông Lê Văn H trình bày:

Nay vợ ông là Huỳnh Thị L xin ly hôn thì ông không đồng ý, ông yêu cầu đoàn tụ gia đình vì còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 04/8/1997 (đã trưởng thành) và cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001, hiện hai cháu do hai vợ chồng chăm sóc nuôi dưỡng. Nay Huỳnh Thị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1 thì ông không đồng ý, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu Huỳnh Thị L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản thì không tranh chấp. Còn về mâu thuẫn vợ có người khác bên ngoài và thường xuyên liên lạc với nhau, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7/2017 (al) cho đến nay.

Tại phiên tòa: Bà Huỳnh Thị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Văn H vì hiện tại không còn thương ông H nữa; về con chung là Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 04/8/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 9, 51, 15, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị L được ly hôn ông Lê Văn H; giao cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001 cho bà L nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết; về án phí buộc bà L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Ông Lê Văn H có ý kiến xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Lê Văn H.

[3] Bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Bà L yêu cầu ly hôn ông H với lý do vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H ghen tuông vô cớ là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông H không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ, thương con nhưng ông cũng thừa nhận vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7/2017 (al) cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông H.

[4] Bà L và ông H có 02 con chung là Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 04/8/1997, đã trưởng thành và không có yêu cầu nên không xem xét; cháu Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001 bà L và ông H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Theo quy định của pháp luật thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Tại phiên tòa cháu Lê Trung H1 trình bày nếu cha mẹ phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận bà L được trực tiếp nuôi cháu Lê Trung H1, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng là tự nguyện nên được chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản: Bà Huỳnh Thị L và ông Lê Văn H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với ông Lê Văn H. Bà Huỳnh Thị L được ly hôn ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị L được trực tiếp nuôi con là Lê Trung H1, sinh ngày 17/05/2001, ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0012054 ngày 08 tháng 03 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, bà Huỳnh Thị L không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai có mặt nguyên đơn tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TANDT. Vĩnh Long;
- VKSNDH. Bình Tân;
- THAH. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng